

Số: 289/ĐA-UBND

Mường Tè, ngày 19 tháng 02 năm 2024

ĐỀ ÁN

Vị trí việc làm của cán bộ, công chức cấp xã huyện Mường Tè

Phần I

SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Khái quát đặc điểm, nội dung và tính chất

1.1. Khái quát đặc điểm tình hình của huyện

Mường Tè là huyện vùng cao biên giới của tỉnh Lai Châu, nằm ở phía Tây Bắc Việt Nam. Huyện có tổng diện tích tự nhiên 267.848 ha, chiếm 29,6% diện tích của tỉnh Lai Châu, đứng đầu 8 huyện, thành phố của tỉnh Lai Châu về diện tích. Huyện có 14 đơn vị hành chính gồm 01 thị trấn và 13 xã.

Phía Đông giáp với huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu và huyện Kim Bình, tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), phía Bắc giáp tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), phía Tây và phía Nam giáp huyện Mường Nhé (tỉnh Điện Biên). Mường Tè có vị trí đặc biệt quan trọng về an ninh quốc phòng và bảo vệ chủ quyền biên giới Quốc gia; huyện có tổng chiều dài đường biên giới tiếp giáp Trung Quốc dài 130,292 km đi qua 6 xã biên giới (Mù Cả, Ka Lãng, Thu Lũm, Tá Bạ, Pa Ủ, Pa Vệ Sủ).

Tính đến ngày 31/12/2023, huyện Mường Tè có dân số: 49.106 người; với trên 11 dân tộc cùng sinh sống, trong đó: Dân tộc Kinh 3.040 người, chiếm 6,19%; dân tộc Thái 10.854 người, chiếm 22,1%; dân tộc Mông 8.095 người, chiếm 16,48%; dân tộc Dao 305 người, chiếm 0,62%; dân tộc Giáy 1088 người, chiếm 2,22%; dân tộc La Hủ 12.739 người, chiếm 25,94%; Hà Nhì 9.548 người, chiếm 19,44%; dân tộc Mảng 1.258 người, chiếm 2,56%; dân tộc Cống 1.147 người, chiếm 2,34%; dân tộc Si La 858 người, chiếm 1,75%; dân tộc Mường 109 người, chiếm 0,22%, dân tộc khác 65 người, chiếm 0,13%. Trình độ dân trí không đồng đều, đời sống Nhân dân còn khó khăn.

Phạm vi hoạt động, nhiệm vụ, quyền hạn của Đảng ủy, HDND, UBND cấp xã thực hiện theo quy định của Đảng, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019 và các quy định của Đảng, đoàn thể, pháp luật liên quan.

1.2. Cơ cấu tổ chức:

- Đảng ủy.
- Hội đồng nhân dân (HĐND).

- Ủy ban nhân dân (UBND).
- Các tổ chức chính trị - xã hội.
- Công chức chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Sự cần thiết xây dựng Đề án vị trí việc làm

Việc xác định vị trí việc làm nhằm xác định số lượng biên chế gắn với từng vị trí việc làm đối với cán bộ, công chức cấp xã, làm cơ sở để cấp có thẩm quyền bổ sung nguồn nhân lực, bố trí biên chế cần thiết, phù hợp với cơ cấu tổ chức, bộ máy của cấp xã, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao. Trên cơ sở đó thực hiện công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí và sử dụng cán bộ, công chức có đủ tiêu chuẩn đảm nhiệm công việc phù hợp với vị trí việc làm, từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;
2. Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, ngày 22/11/2019;
3. Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;
4. Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;
5. Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 06 năm 2023 của Chính phủ quy định cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;
6. Thông tư số 54/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành tài chính trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực tài chính;
7. Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu quy định số lượng cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã năm 2024 trên địa bàn tỉnh Lai Châu;
8. Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND, ngày 09/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành quy định tiêu chuẩn đối với cán bộ, công chức ở cấp xã và ngành đào tạo đối với công chức ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Phần II

THỰC TRẠNG CƠ CẤU TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ, VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC

I. CƠ CẤU TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ, VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ

1. Về tổ chức bộ máy

- 1.1. Bí thư Đảng ủy.
- 1.2. Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy.
- 1.3. Chủ tịch HĐND.
- 1.4. Chủ tịch UBND.
- 1.5. Phó Chủ tịch HĐND.
- 1.6. Phó Chủ tịch UBND.
- 1.7. Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (UBMTTQVN).
- 1.8. Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (Đoàn TNCSHCM).
- 1.9. Chủ tịch Hội Nông dân (Hội ND).
- 1.10. Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ (Hội LHPN).
- 1.11. Chủ tịch Hội Cựu chiến binh (Hội CCB).
- 1.12. Công chức chuyên môn nghiệp vụ gồm 06 chức danh:
 - Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự (BCHQS);
 - Văn phòng - Thống kê;
 - Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường (đối với thị trấn) hoặc Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường (đối với xã);
 - Tài chính - Kế toán;
 - Tư pháp - Hộ tịch;
 - Văn hóa - Xã hội.

2. Về biên chế cán bộ, công chức cấp xã

- Tổng biên chế được giao: **318** biên chế, trong đó: Cán bộ **155** biên chế; công chức **163** biên chế.
- Tổng biên chế hiện có mặt tính đến thời điểm xây dựng đề án: **286** người, trong đó: cán bộ **154** người; công chức **132** người.

3. Vị trí việc làm

Vị trí việc làm cán bộ, công chức cấp xã gồm 17 vị trí được xác định tại Luật Cán bộ, công chức và Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố, cụ thể:

Stt	Mã vị trí việc làm	Tên vị trí việc làm	Cơ cấu ngạch công chức
VỊ TRÍ VIỆC LÀM CÁN BỘ CẤP XÃ			
1	BTĐU-CB - 01	Bí thư Đảng ủy	Không xác định cơ

Stt	Mã vị trí việc làm	Tên vị trí việc làm	Cơ cấu ngạch công chức
2	PBTTTĐU-CB-02	Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy	cấu ngạch
3	CTHĐND-CB-03	Chủ tịch HĐND	Không xác định cơ cấu ngạch
4	CTUBND-CB-04	Chủ tịch UBND	
5	PCTHĐND-CB-05	Phó Chủ tịch HĐND	
6	PCTUBND-CB-06	Phó Chủ tịch UBND	
7	CTUBMTTQ-CB-07	Chủ tịch UBMTTQVN	
8	BTĐTNCSHCM-CB-08	Bí thư Đoàn TNCSHCM	
9	CTHLHPN-CB-09	Chủ tịch Hội LHPN	
10	CTHND-CB-10	Chủ tịch Hội ND	
11	CTHCCB-CB-11	Chủ tịch Hội CCB	
VỊ TRÍ VIỆC LÀM CÔNG CHỨC CẤP XÃ			
12	CHTBCHQS-CC-12	Chỉ huy trưởng BCHQS	Chuyên viên hoặc tương đương
13	VPTK-CC-13	Công chức Văn phòng - Thống kê	
14	ĐC-CC-14	Công chức Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường (đối với thị trấn); Công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường (đối với xã)	
15	TCKT-CC-15	Công chức Tài chính - Kế toán	
16	TPHT-CC-16	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	
17	VHXH-CC-17	Công chức Văn hóa - Xã hội	
Tổng: 17 vị trí việc làm			

Vị trí việc làm và số người làm việc cụ thể từng đơn vị:

Mã vị trí việc làm	Tên vị trí việc làm	Số lượng biên chế theo QĐ giao của UBND huyện năm 2024	Số lượng biên chế hiện có mặt tại thời điểm xây dựng đề án	Ghi chú
I	THỊ TRẤN	20	20	
Lãnh đạo Đảng ủy, HĐND, UBND				
BTĐU-CB - 01	Bí thư Đảng ủy	01	01	
PBTĐTĐU-CB-02	Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy	01	01	
CTHĐND-CB-03	Chủ tịch HĐND	01		Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy đồng thời là Chủ tịch HĐND
CTUBND-CB-04	Chủ tịch UBND	01	01	
PCTHĐND-CB-05	Phó Chủ tịch HĐND	01	01	
PCTUBND-CB-06	Phó Chủ tịch UBND	02	02	
Các tổ chức tổ chức chính trị - xã hội				
CTUBMTTQ-CB-07	Chủ tịch UBMTTQVN	01	01	
BTĐTNCSHCM-CB-08	Bí thư Đoàn TNCSHCM	01	01	
CTHLHPN-CB-09	Chủ tịch Hội LHPN	01	01	
CTHND-CB-10	Chủ tịch Hội ND	01	01	
CTHCCB-CB-11	Chủ tịch Hội CCB	01	01	
Công chức chuyên môn, nghiệp vụ				
CHTBCHQS-CC-12	Chỉ huy trưởng BCHQS	01	01	
VPTK-CC-13	Công chức Văn phòng - Thống kê	02	02	
ĐC-CC-14	Công chức Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	02	02	

Mã vị trí việc làm	Tên vị trí việc làm	Số lượng biên chế theo QĐ giao của UBND huyện năm 2024	Số lượng biên chế hiện có mặt tại thời điểm xây dựng đề án	Ghi chú
TCKT-CC-15	Công chức Tài chính - Kế toán	01	01	
TPHT-CC-16	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	02	02	
VHXH-CC-17	Công chức Văn hóa - Xã hội	01	01	
II	XÃ BUM NỮA	20	20	
Lãnh đạo Đảng ủy, HĐND, UBND				
BTĐU-CB - 01	Bí thư Đảng ủy	01	01	
PBTĐTĐU-CB-02	Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy	01	01	
CTHĐND-CB-03	Chủ tịch HĐND	01		Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy đồng thời là Chủ tịch HĐND
CTUBND-CB-04	Chủ tịch UBND	01	01	
PCTHĐND-CB-05	Phó Chủ tịch HĐND	01	01	
PCTUBND-CB-06	Phó Chủ tịch UBND	02	02	
Các tổ chức tổ chức chính trị - xã hội				
CTUBMTTQ-CB-07	Chủ tịch UBMTTQVN	01	01	
BTĐTNCSHCM-CB-08	Bí thư Đoàn TNCSHCM	01	01	
CTHLHPN-CB-09	Chủ tịch Hội LHPN	01	01	
CTHND-CB-10	Chủ tịch Hội ND	01	01	
CTHCCB-CB-11	Chủ tịch Hội CCB	01	01	

Mã vị trí việc làm	Tên vị trí việc làm	Số lượng biên chế theo QĐ giao của UBND huyện năm 2024	Số lượng biên chế hiện có mặt tại thời điểm xây dựng đề án	Ghi chú
Công chức chuyên môn, nghiệp vụ				
CHTBCHQS-CC-12	Chỉ huy trưởng BCHQS	01	01	
VPTK-CC-13	Công chức Văn phòng - Thống kê	02	02	
ĐC-CC-14	Công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường	02	02	
TCKT-CC-15	Công chức Tài chính - Kế toán	01	01	
TPHT-CC-16	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	01	01	
VHXH-CC-17	Công chức Văn hóa - Xã hội	02	02	
III	XÃ VÀNG SAN	20	20	
Lãnh đạo Đảng ủy, HĐND, UBND				
BTĐU-CB - 01	Bí thư Đảng ủy	01	01	
PBTĐU-CB-02	Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy	01	01	
CTHĐND-CB-03	Chủ tịch HĐND	01		Bí thư Đảng ủy đồng thời là Chủ tịch HĐND
CTUBND-CB-04	Chủ tịch UBND	01	01	
PCTHĐND-CB-05	Phó Chủ tịch HĐND	01	01	
PCTUBND-CB-06	Phó Chủ tịch UBND	02	02	
Các tổ chức tổ chức chính trị - xã hội				

Mã vị trí việc làm	Tên vị trí việc làm	Số lượng biên chế theo QĐ giao của UBND huyện năm 2024	Số lượng biên chế hiện có mặt tại thời điểm xây dựng đề án	Ghi chú
CTUBMTTQ-CB-07	Chủ tịch UBMTTQVN	01	01	
BTĐTNCSHCM-CB-08	Bí thư Đoàn TNCSSHCM	01	01	
CTHLHPN-CB-09	Chủ tịch Hội LHPN	01	01	
CTHND-CB-10	Chủ tịch Hội ND	01	01	
CTHCCB-CB-11	Chủ tịch Hội CCB	01	01	
Công chức chuyên môn, nghiệp vụ				
CHTBCHQS-CC-12	Chỉ huy trưởng BCHQS	01	01	
VPTK-CC-13	Công chức Văn phòng - Thống kê	03	03	
ĐC-CC-14	Công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường	02	02	
TCKT-CC-15	Công chức Tài chính - Kế toán	01	01	
TPHT-CC-16	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	01	01	
VHXH-CC-17	Công chức Văn hóa - Xã hội	01	01	
IV	XÃ CAN HỒ	23	20	
Lãnh đạo Đảng ủy, HĐND, UBND				
BTĐU-CB - 01	Bí thư Đảng ủy	01	01	
PBTTTĐU-CB-02	Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy	01	01	

Mã vị trí việc làm	Tên vị trí việc làm	Số lượng biên chế theo QĐ giao của UBND huyện năm 2024	Số lượng biên chế hiện có mặt tại thời điểm xây dựng đề án	Ghi chú
CTHĐND-CB-03	Chủ tịch HĐND	01		Bí thư Đảng ủy đồng thời là Chủ tịch HĐND
CTUBND-CB-04	Chủ tịch UBND	01	01	
PCTHĐND-CB-05	Phó Chủ tịch HĐND	01	01	
PCTUBND-CB-06	Phó Chủ tịch UBND	02	02	
Các tổ chức tổ chức chính trị - xã hội				
CTUBMTTQ-CB-07	Chủ tịch UBMTTQVN	01	01	
BTĐTNCSHCM-CB-08	Bí thư Đoàn TNCSHCM	01	01	
CTHLHPN-CB-09	Chủ tịch Hội LHPN	01	01	
CTHND-CB-10	Chủ tịch Hội ND	01	01	
CTHCCB-CB-11	Chủ tịch Hội CCB	01	01	
Công chức chuyên môn, nghiệp vụ				
CHTBCHQS-CC-12	Chỉ huy trưởng BCHQS	01	01	
VPTK-CC-13	Công chức Văn phòng - Thống kê	03	03	
ĐC-CC-14	Công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường	03	02	
TCKT-CC-15	Công chức Tài chính - Kế toán	01	01	
TPHT-CC-16	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	02	01	

Mã vị trí việc làm	Tên vị trí việc làm	Số lượng biên chế theo QĐ giao của UBND huyện năm 2024	Số lượng biên chế hiện có mặt tại thời điểm xây dựng đề án	Ghi chú
VHXH-CC-17	Công chức Văn hóa - Xã hội	02	01	
V	XÃ BUM TỎ	21	19	
Lãnh đạo Đảng ủy, HĐND, UBND				
BTĐU-CB - 01	Bí thư Đảng ủy	01	01	
PBTTTĐU-CB-02	Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy	01	01	
CTHĐND-CB-03	Chủ tịch HĐND	01		Phó Bí thư TT Đảng ủy đồng thời là Chủ tịch HĐND
CTUBND-CB-04	Chủ tịch UBND	01	01	
PCTHĐND-CB-05	Phó Chủ tịch HĐND	01	01	
PCTUBND-CB-06	Phó Chủ tịch UBND	02	02	
Các tổ chức tổ chức chính trị - xã hội				
CTUBMTTQ-CB-07	Chủ tịch UBMTTQVN	01	01	
BTĐTNCSHCM-CB-08	Bí thư Đoàn TNCSHCM	01	01	
CTHLHPN-CB-09	Chủ tịch Hội LHPN	01	01	
CTHND-CB-10	Chủ tịch Hội ND	01	01	
CTHCCB-CB-11	Chủ tịch Hội CCB	01	00	
Công chức chuyên môn, nghiệp vụ				

Mã vị trí việc làm	Tên vị trí việc làm	Số lượng biên chế theo QĐ giao của UBND huyện năm 2024	Số lượng biên chế hiện có mặt tại thời điểm xây dựng đề án	Ghi chú
CHTBCHQS-CC-12	Chỉ huy trưởng BCHQS	01	01	
VPTK-CC-13	Công chức Văn phòng - Thống kê	02	02	
ĐC-CC-14	Công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường	02	02	
TCKT-CC-15	Công chức Tài chính - Kế toán	01	01	
TPHT-CC-16	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	02	02	
VHXH-CC-17	Công chức Văn hóa - Xã hội	02	01	
VI	XÃ NẠM KHAO	21	19	
Lãnh đạo Đảng ủy, HĐND, UBND				
BTĐU-CB - 01	Bí thư Đảng ủy	01	01	
PBTĐTĐU-CB-02	Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy	01	01	
CTHĐND-CB-03	Chủ tịch HĐND	01		Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy đồng thời là Chủ tịch HĐND
CTUBND-CB-04	Chủ tịch UBND	01	01	
PCTHĐND-CB-05	Phó Chủ tịch HĐND	01	01	
PCTUBND-CB-06	Phó Chủ tịch UBND	02	02	
Các tổ chức tổ chức chính trị - xã hội				

Mã vị trí việc làm	Tên vị trí việc làm	Số lượng biên chế theo QĐ giao của UBND huyện năm 2024	Số lượng biên chế hiện có mặt tại thời điểm xây dựng đề án	Ghi chú
CTUBMTTQ-CB-07	Chủ tịch UBMTTQVN	01	01	
BTĐTNCSHCM-CB-08	Bí thư Đoàn TNCSHCM	01	01	
CTHLHPN-CB-09	Chủ tịch Hội LHPN	01	01	
CTHND-CB-10	Chủ tịch Hội ND	01	01	
CTHCCB-CB-11	Chủ tịch Hội CCB	01	01	
Công chức chuyên môn, nghiệp vụ				
CHTBCHQS-CC-12	Chỉ huy trưởng BCHQS	01	01	
VPTK-CC-13	Công chức Văn phòng - Thống kê	02	01	
ĐC-CC-14	Công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường	02	02	
TCKT-CC-15	Công chức Tài chính - Kế toán	01	01	
TPHT-CC-16	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	02	02	
VHXH-CC-17	Công chức Văn hóa - Xã hội	02	01	
VII	XÃ PA VỆ SỬ	25	21	
Lãnh đạo Đảng ủy, HĐND, UBND				
BTĐU-CB - 01	Bí thư Đảng ủy	01	01	
PBTĐTĐU-CB-02	Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy	01	01	

Mã vị trí việc làm	Tên vị trí việc làm	Số lượng biên chế theo QĐ giao của UBND huyện năm 2024	Số lượng biên chế hiện có mặt tại thời điểm xây dựng đề án	Ghi chú
CTHĐND-CB-03	Chủ tịch HĐND	01		PBTT Đảng ủy đồng thời là Chủ tịch HĐND
CTUBND-CB-04	Chủ tịch UBND	01	01	
PCTHĐND-CB-05	Phó Chủ tịch HĐND	01	01	
PCTUBND-CB-06	Phó Chủ tịch UBND	02	02	
Các tổ chức tổ chức chính trị - xã hội				
CTUBMTTQ-CB-07	Chủ tịch UBMTTQVN	01	01	
BTĐTNCSHCM-CB-08	Bí thư Đoàn TNCSHCM	01	01	
CTHLHPN-CB-09	Chủ tịch Hội LHPN	01	01	
CTHND-CB-10	Chủ tịch Hội ND	01	01	
CTHCCB-CB-11	Chủ tịch Hội CCB	01	01	
Công chức chuyên môn, nghiệp vụ				
CHTBCHQS-CC-12	Chỉ huy trưởng BCHQS	01	01	
VPTK-CC-13	Công chức Văn phòng - Thống kê	03	01	
ĐC-CC-14	Công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường	03	03	
TCKT-CC-15	Công chức Tài chính - Kế toán	01	01	
TPHT-CC-16	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	03	02	

Mã vị trí việc làm	Tên vị trí việc làm	Số lượng biên chế theo QĐ giao của UBND huyện năm 2024	Số lượng biên chế hiện có mặt tại thời điểm xây dựng đề án	Ghi chú
VHXH-CC-17	Công chức Văn hóa - Xã hội	03	02	
VIII	XÃ TÀ TÔNG	25	22	
Lãnh đạo Đảng ủy, HĐND, UBND				
BTĐU-CB - 01	Bí thư Đảng ủy	01	01	
PBTĐTĐU-CB-02	Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy	01	01	
CTHĐND-CB-03	Chủ tịch HĐND	01	01	
CTUBND-CB-04	Chủ tịch UBND	01	01	
PCTHĐND-CB-05	Phó Chủ tịch HĐND	01	01	
PCTUBND-CB-06	Phó Chủ tịch UBND	02	02	
Các tổ chức tổ chức chính trị - xã hội				
CTUBMTTQ-CB-07	Chủ tịch UBMTTQVN	01	01	
BTĐTNCSHCM-CB-08	Bí thư Đoàn TNCSHCM	01	01	
CTHLHPN-CB-09	Chủ tịch Hội LHPN	01	01	
CTHND-CB-10	Chủ tịch Hội ND	01	01	
CTHCCB-CB-11	Chủ tịch Hội CCB	01	01	
Công chức chuyên môn, nghiệp vụ				
CHTBCHQS-CC-12	Chỉ huy trưởng BCHQS	01	01	
VPTK-CC-13	Công chức Văn phòng - Thống kê	03	02	
ĐC-CC-14	Công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường	03	02	

Mã vị trí việc làm	Tên vị trí việc làm	Số lượng biên chế theo QĐ giao của UBND huyện năm 2024	Số lượng biên chế hiện có mặt tại thời điểm xây dựng đề án	Ghi chú
TCKT-CC-15	Công chức Tài chính - Kế toán	01	01	
TPHT-CC-16	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	02	02	
VHXH-CC-17	Công chức Văn hóa - Xã hội	03	02	
IX	XÃ MUỜNG TÈ	24	20	
Lãnh đạo Đảng ủy, HĐND, UBND				
BTĐU-CB - 01	Bí thư Đảng ủy	01	01	
PBTTTĐU-CB-02	Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy	01	01	
CTHĐND-CB-03	Chủ tịch HĐND	01		Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy đồng thời là Chủ tịch HĐND
CTUBND-CB-04	Chủ tịch UBND	01	01	
PCTHĐND-CB-05	Phó Chủ tịch HĐND	01	01	
PCTUBND-CB-06	Phó Chủ tịch UBND	02	02	
Các tổ chức tổ chức chính trị - xã hội				
CTUBMTTQ-CB-07	Chủ tịch UBMTTQVN	01	01	
BTĐTNCSHCM-CB-08	Bí thư Đoàn TNCSHCM	01	01	
CTHLHPN-CB-09	Chủ tịch Hội LHPN	01	01	
CTHND-CB-10	Chủ tịch Hội ND	01	01	
CTHCCB-CB-11	Chủ tịch Hội CCB	01	01	
Công chức chuyên môn, nghiệp vụ				

Mã vị trí việc làm	Tên vị trí việc làm	Số lượng biên chế theo QĐ giao của UBND huyện năm 2024	Số lượng biên chế hiện có mặt tại thời điểm xây dựng đề án	Ghi chú
CHTBCHQS-CC-12	Chỉ huy trưởng BCHQS	01	01	
VPTK-CC-13	Công chức Văn phòng - Thống kê	03	02	
ĐC-CC-14	Công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường	03	02	
TCKT-CC-15	Công chức Tài chính - Kế toán	01	01	
TPHT-CC-16	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	02	01	
VHXH-CC-17	Công chức Văn hóa - Xã hội	03	02	
X	XÃ PA Ủ	25	22	
Lãnh đạo Đảng ủy, HĐND, UBND				
BTĐU-CB - 01	Bí thư Đảng ủy	01	01	
PBTTTĐU-CB-02	Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy	01	01	
CTHĐND-CB-03	Chủ tịch HĐND	01		Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy đồng thời là Chủ tịch HĐND
CTUBND-CB-04	Chủ tịch UBND	01	01	
PCTHĐND-CB-05	Phó Chủ tịch HĐND	01	01	
PCTUBND-CB-06	Phó Chủ tịch UBND	02	02	
Các tổ chức tổ chức chính trị - xã hội				
CTUBMTTQ-CB-07	Chủ tịch UBMTTQVN	01	01	

Mã vị trí việc làm	Tên vị trí việc làm	Số lượng biên chế theo QĐ giao của UBND huyện năm 2024	Số lượng biên chế hiện có mặt tại thời điểm xây dựng đề án	Ghi chú
BTĐTNCSHCM-CB-08	Bí thư Đoàn TNCSHCM	01	01	
CTHLHPN-CB-09	Chủ tịch Hội LHPN	01	01	
CTHND-CB-10	Chủ tịch Hội ND	01	01	
CTHCCB-CB-11	Chủ tịch Hội CCB	01	01	
Công chức chuyên môn, nghiệp vụ				
CHTBCHQS-CC-12	Chỉ huy trưởng BCHQS	01	01	
VPTK-CC-13	Công chức Văn phòng - Thống kê	03	02	
ĐC-CC-14	Công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường	03	03	
TCKT-CC-15	Công chức Tài chính - Kế toán	01	01	
TPHT-CC-16	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	03	02	
VHXH-CC-17	Công chức Văn hóa - Xã hội	03	02	
XI	XÃ MÙ CẢ	25	21	
Lãnh đạo Đảng ủy, HĐND, UBND				
BTĐU-CB - 01	Bí thư Đảng ủy	01	01	
PBTTTĐU-CB-02	Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy	01	01	
CTHĐND-CB-03	Chủ tịch HĐND	01		Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy đồng thời là Chủ tịch HĐND

Mã vị trí việc làm	Tên vị trí việc làm	Số lượng biên chế theo QĐ giao của UBND huyện năm 2024	Số lượng biên chế hiện có mặt tại thời điểm xây dựng đề án	Ghi chú
CTUBND-CB-04	Chủ tịch UBND	01	01	
PCTHĐND-CB-05	Phó Chủ tịch HĐND	01	01	
PCTUBND-CB-06	Phó Chủ tịch UBND	02	02	
Các tổ chức tổ chức chính trị - xã hội				
CTUBMTTQ-CB-07	Chủ tịch UBMTTQVN	01	01	
BTĐTNCSHCM-CB-08	Bí thư Đoàn TNCSHCM	01	01	
CTHLHPN-CB-09	Chủ tịch Hội LHPN	01	01	
CTHND-CB-10	Chủ tịch Hội ND	01	01	
CTHCCB-CB-11	Chủ tịch Hội CCB	01	01	
Công chức chuyên môn, nghiệp vụ				
CHTBCHQS-CC-12	Chỉ huy trưởng BCHQS	01	01	
VPTK-CC-13	Công chức Văn phòng - Thống kê	03	03	
ĐC-CC-14	Công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường	03	02	
TCKT-CC-15	Công chức Tài chính - Kế toán	01	01	
TPHT-CC-16	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	03	01	
VHXH-CC-17	Công chức Văn hóa - Xã hội	03	02	
XII	XÃ TÁ BẠ	23	21	
Lãnh đạo Đảng ủy, HĐND, UBND				
BTĐU-CB - 01	Bí thư Đảng ủy	01	01	

Mã vị trí việc làm	Tên vị trí việc làm	Số lượng biên chế theo QĐ giao của UBND huyện năm 2024	Số lượng biên chế hiện có mặt tại thời điểm xây dựng đề án	Ghi chú
PBTĐTĐU-CB-02	Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy	01	01	
CTHĐND-CB-03	Chủ tịch HĐND	01		Bí thư Đảng ủy đồng thời là Chủ tịch HĐND
CTUBND-CB-04	Chủ tịch UBND	01	01	
PCTHĐND-CB-05	Phó Chủ tịch HĐND	01	01	
PCTUBND-CB-06	Phó Chủ tịch UBND	02	02	
Các tổ chức tổ chức chính trị - xã hội				
CTUBMTTQ-CB-07	Chủ tịch UBMTTQVN	01	01	
BTĐTNCSHCM-CB-08	Bí thư Đoàn TNCSHCM	01	01	
CTHLHPN-CB-09	Chủ tịch Hội LHPN	01	01	
CTHND-CB-10	Chủ tịch Hội ND	01	01	
CTHCCB-CB-11	Chủ tịch Hội CCB	01	01	
Công chức chuyên môn, nghiệp vụ				
CHTBCHQS-CC-12	Chỉ huy trưởng BCHQS	01	01	
VPTK-CC-13	Công chức Văn phòng - Thống kê	03	03	
ĐC-CC-14	Công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường	03	02	
TCKT-CC-15	Công chức Tài chính - Kế toán	01	01	
TPHT-CC-16	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	02	02	

Mã vị trí việc làm	Tên vị trí việc làm	Số lượng biên chế theo QĐ giao của UBND huyện năm 2024	Số lượng biên chế hiện có mặt tại thời điểm xây dựng đề án	Ghi chú
VHXH-CC-17	Công chức Văn hóa - Xã hội	02	01	
XIII	XÃ KA LĂNG	23	21	
Lãnh đạo Đảng ủy, HĐND, UBND				
BTĐU-CB - 01	Bí thư Đảng ủy	01	01	
PBTĐTĐU-CB-02	Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy	01	01	
CTHĐND-CB-03	Chủ tịch HĐND	01		Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy đồng thời là Chủ tịch HĐND
CTUBND-CB-04	Chủ tịch UBND	01	01	
PCTHĐND-CB-05	Phó Chủ tịch HĐND	01	01	
PCTUBND-CB-06	Phó Chủ tịch UBND	02	02	
Các tổ chức tổ chức chính trị - xã hội				
CTUBMTTQ-CB-07	Chủ tịch UBMTTQVN	01	01	
BTĐTNCSHCM-CB-08	Bí thư Đoàn TNCSHCM	01	01	
CTHLHPN-CB-09	Chủ tịch Hội LHPN	01	01	
CTHND-CB-10	Chủ tịch Hội ND	01	01	
CTHCCB-CB-11	Chủ tịch Hội CCB	01	01	
Công chức chuyên môn, nghiệp vụ				
CHTBCHQS-CC-12	Chỉ huy trưởng BCHQS	01	01	
VPTK-CC-13	Công chức Văn phòng - Thống kê	03	03	

Mã vị trí việc làm	Tên vị trí việc làm	Số lượng biên chế theo QĐ giao của UBND huyện năm 2024	Số lượng biên chế hiện có mặt tại thời điểm xây dựng đề án	Ghi chú
ĐC-CC-14	Công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường	03	02	
TCKT-CC-15	Công chức Tài chính - Kế toán	01	01	
TPHT-CC-16	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	02	01	
VHXH-CC-17	Công chức Văn hóa - Xã hội	02	02	
XIV	XÃ THU LŨM	23	20	
Lãnh đạo Đảng ủy, HĐND, UBND				
BTĐU-CB - 01	Bí thư Đảng ủy	01	01	
PBTTTĐU-CB-02	Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy	01	01	
CTHĐND-CB-03	Chủ tịch HĐND	01		Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy đồng thời là Chủ tịch HĐND
CTUBND-CB-04	Chủ tịch UBND	01	01	
PCTHĐND-CB-05	Phó Chủ tịch HĐND	01	01	
PCTUBND-CB-06	Phó Chủ tịch UBND	02	02	
Các tổ chức tổ chức chính trị - xã hội				
CTUBMTTQ-CB-07	Chủ tịch UBMTTQVN	01	01	
BTĐTNCSHCM-CB-08	Bí thư Đoàn TNCSHCM	01	01	
CTHLHPN-CB-09	Chủ tịch Hội LHPN	01	01	
CTHND-CB-10	Chủ tịch Hội ND	01	01	

Mã vị trí việc làm	Tên vị trí việc làm	Số lượng biên chế theo QĐ giao của UBND huyện năm 2024	Số lượng biên chế hiện có mặt tại thời điểm xây dựng đề án	Ghi chú
CTHCCB-CB-11	Chủ tịch Hội CCB	01	01	
Công chức chuyên môn, nghiệp vụ				
CHTBCHQS-CC-12	Chỉ huy trưởng BCHQS	01	01	
VPTK-CC-13	Công chức Văn phòng - Thống kê	03	01	
ĐC-CC-14	Công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường	03	02	
TCKT-CC-15	Công chức Tài chính - Kế toán	01	01	
TPHT-CC-16	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	02	02	
VHXH-CC-17	Công chức Văn hóa - Xã hội	02	02	
Tổng cộng		318	286	

(Có bản mô tả vị trí việc làm kèm theo)

II. NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG

1. Quy mô dân số, diện tích tự nhiên; mức độ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; số lượng các bản, tổ dân phố.
2. Đặc điểm lịch sử, văn hóa, xã hội; tình hình an ninh chính trị, trật tự an ninh xã hội...
3. Tính chất, đặc điểm, mức độ phức tạp và quy mô, phạm vi, đối tượng quản lý; thực trạng chất lượng, số lượng cán bộ, công chức của đơn vị; số lượng, khối lượng công việc được cấp có thẩm quyền giao.
4. Yêu cầu về hiệu quả, hiệu lực quản lý và chất lượng công việc.
5. Chế độ làm việc, cách thức tổ chức công việc.
6. Những yếu tố đặc thù của ngành, lĩnh vực hoạt động...

Phần III

THỐNG KÊ VÀ PHÂN NHÓM CÔNG VIỆC THEO CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, TÍNH CHẤT, MỨC ĐỘ PHỨC TẠP

1. Nhóm 01: Lĩnh vực Đảng ủy: Lãnh đạo toàn diện đối với hệ thống chính trị ở cơ sở trong việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, quy định của pháp luật trên địa bàn cấp xã...

2. Nhóm 02: Lĩnh vực HĐND: Lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân cấp xã. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân và các quy định khác có liên quan.

3. Nhóm 03: Lĩnh vực UBND: Chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ về tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp, pháp luật, các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên, của Hội đồng nhân dân cấp xã; thực hiện các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác; tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ tài sản của cơ quan, tổ chức, bảo hộ tính mạng, tự do, danh dự, nhân phẩm, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của công dân; thực hiện các biện pháp quản lý dân cư trên địa bàn cấp xã theo quy định của pháp luật...

4. Nhóm 04: Các tổ chức chính trị - xã hội: phối hợp với chính quyền địa phương cấp xã, các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp và thực hiện nhiệm vụ tổ chức chính trị - xã hội cấp trên đề ra...

5. Nhóm 05: Các công chức chuyên môn thuộc UBND cấp xã: Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong các lĩnh vực phụ trách theo quy định của pháp luật, quy chế hoạt động của UBND và quyết định phân công nhiệm vụ của Chủ tịch UBND cấp xã.

2. Xác định cơ cấu cán bộ, công chức

2.1. Căn cứ xác định cơ cấu vị trí việc làm

- Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

- Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 06 năm 2023 của Chính phủ quy định cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

- Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Lai Châu quy định số lượng cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã năm 2024 trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

- Quyết định số 92/QĐ-UBND, ngày 16/01/2024 của UBND huyện Mường Tè về việc giao số lượng cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã năm 2024.

2.2. Xác định cơ cấu cán bộ, công chức cấp xã

a) Cán bộ: Không xác định cơ cấu ngạch đối với cán bộ cấp xã.

b) Công chức cấp xã

- Tổng số công chức cấp xã hiện có mặt là: 132 công chức/163 biên chế công chức các xã, thị trấn được giao năm 2024, trong đó:

+ Công chức tương ứng với ngạch nhân viên hoặc tương đương 24/132 chiếm 18,18%.

+ Công chức tương ứng với ngạch cán sự hoặc tương đương 02/132 chiếm 1,52%.

+ Công chức tương ứng với ngạch chuyên viên hoặc tương đương 106/132 chiếm 80,30%.

- Xác định cơ cấu ngạch đối với công chức xã như sau: Công chức tương ứng với ngạch chuyên viên hoặc tương đương 163/163 chiếm 100%.

Phần V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Trên cơ sở Đề án được UBND tỉnh phê duyệt, UBND huyện giao Phòng Nội vụ tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm theo quy định hiện hành.

Trên đây là Đề án vị trí việc làm cán bộ, công chức cấp xã của UBND huyện Mường Tè./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Lai Châu;
- Sở Nội vụ tỉnh Lai Châu;
- Trung tâm hành chính công tỉnh Lai Châu;
- UBND các xã, thị trấn;
- Trang TTĐT huyện;
- Lưu: VT, PNV.

TM ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Đào Văn Khánh